TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-ĐỒNG THÁP** Bản án số: 25/2026/HS-ST Ngày:06/02/2026	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Minh

2/ Bà Châu Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Bùi Thanh M** (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 08/02/1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKNKTT: số E, kp.30, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện nay: Số B, khu phố T, Phường M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Số CCCD: 079089009234 ngày cấp 17/8/2022, nơi cấp: Cục C1 về TTXH-BCA. Con ông Bùi Thanh H, sinh năm 1957 và bà Dương Thanh M1, sinh năm 1969; Anh chị em ruột: Bị cáo có 01 em ruột sinh năm 1993, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; có vợ tên Hồ Hải V, sinh năm 1993, nghề nghiệp: công nhân; và 01 con tên Bùi Thanh D, sinh năm 2012; tiền án: có 02 tiền án. tiền sự: Không;

- Bị Tòa án nhân dân TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1– Đồng Tháp) xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự, theo Bản án số 100/2018/HS-ST ngày 03/10/2018; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2022.

- Bị Tòa án nhân dân TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1– Đồng Tháp) xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", quy

định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, theo Bản án số 140/2023/HS-ST ngày 03/11/2023; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2024.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Đỗ Tấn T** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 27/10/2000, tại Tiền Giang (nay là Đồng Tháp); Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Ấp Đ, xã K, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: 082200008048 ngày cấp 19/02/2022, nơi cấp: Cục C1 về TTXH-BCA. con ông Đỗ Văn L (chết) và bà Lý Thị T1, sinh năm 1976; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; có vợ tên Đoàn Lâm Yến N, và 01 người con, sinh năm 2024; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, học hết lớp 7 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp) xử phạt 04 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự, theo Bản án số 104 ngày 06/11/2018; bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 24/11/2021 (Đã được xóa án tích).

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2025 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Phạm Thành Bảo L1 (**Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 02/5/1993, tại Tiền Giang (nay là Đồng Tháp); Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã T, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12, dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 082093002873 cấp ngày 20/6/2023, nơi cấp: Cục C1 về TTXH-BCA. Con ông Phạm Thành T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết M2, sinh năm 1972; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Trương Lê Thanh T3, sinh năm 1992 và có 01 con chung sinh năm 2025. Tiền án, Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: **Lê Đăng D1** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 01/01/1991, tại Tiền Giang (nay là Đồng Tháp); Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 082091005544 cấp ngày 19/02/2022, nơi cấp: Cục C1 về TTXH-BCA; con ông Lê Văn C, sinh năm 1968 và bà Lương Thu N1, sinh năm 1971; Bị cáo có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2007; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, học hết lớp 12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia

đình; Từ năm 2010 đến năm 2013, bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự tại Công an nhân dân tỉnh T (nay là Công an nhân dân tỉnh Đ), sau đó được tuyển dụng và công tác tại Phòng C2 Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh Đ). Đến năm 2017, bị cáo nghỉ công tác và sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Ngọc L2, thuộc Văn phòng L4- Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Lê Thành N2, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp V, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1995 (có mặt);

Cư trú: ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Anh Lê Quốc K, sinh năm 1998 (có mặt).

Cư trú: ấp C, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ) nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về nhóm người cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là các xã K, xã L và xã L, tỉnh Đồng Tháp), trong đó có: Phạm Thành Bảo L1, Lê Đăng D1, Đỗ Tấn T và Bùi Thanh M có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Quá trình kiểm tra, xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét nơi ở và thu giữ các vật chứng của các đối tượng liên quan, đồng thời chuyển vụ việc đến Cơ quan An ninh điều tra để xử lý theo quy định, cụ thể như sau:

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thành Bảo L1 tại ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) thu giữ:

- T4 trên trần la phông nhà 01 khẩu súng ngắn dạng ổ quay bằng kim loại màu trắng dài 13cm, phần cán bộc nhựa màu đen. Căn cứ Kết luận giám định số 128/KL-KTHS ngày 22/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh Đ) xác định: Khẩu súng này là vũ khí có tính năng, tác dụng, khả năng gây sát thương tương tự vũ khí quân dụng và thuộc danh mục vũ khí quân dụng.

- Thu trên ghế gỗ 01 khẩu súng bằng kim loại màu trắng vàng, dạng ổ quay dài 14cm và 02 viên đạn bằng kim loại trong phòng ngủ. Kết quả giám định xác định: 01 khẩu súng thu giữ là súng bắn vòng đạn pháo để gây tiếng nổ

và không thuộc danh mục vũ khí; 02 viên đạn thu giữ là đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,5)mm và không phải đạn quân dụng.

Kết quả điều tra: Bùi Thanh M (tên gọi khác Minh L3) xác định, đầu tháng 01/2025 (không nhớ rõ thời điểm), M nhặt được 01 khẩu súng ngắn dạng ổ quay bằng kim loại màu trắng dài 13cm và 02 viên đạn nêu trên ở lề đường Quốc lộ A thuộc xã L, tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp). M mang đến nhà Phạm Thành Bảo L1 để nhờ L1 cất giữ dùm và L1 đồng ý cất giấu. Khoảng một tuần sau, M điện thoại cho L1 và dặn L1 không cho ai mượn súng để vài ngày sau M đến lấy về, nhưng M chưa kịp lấy thì bị phát hiện và thu giữ như nêu trên.

Khoảng 10 giờ ngày 20/01/2025, khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Đăng D1 tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp): Thu giữ trên tủ gỗ nhà sau 17 viên đạn bằng kim loại màu vàng, kích thước (5,7 x 0,9)cm được chia làm 02 băng đạn (01 băng 10 viên; 01 băng 07 viên) cố định bằng thanh kim loại (trong đó có 01 viên không còn nguyên vẹn, chỉ có vỏ đạn và đầu đạn). Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: 16 viên đạn thu giữ của Lê Đăng D1 là đạn quân dụng cỡ (5,56 x 45)mm và thuộc vũ khí quân dụng; 01 viên đạn không còn tính năng tác dụng của vũ khí và không phải vũ khí quân dụng.

Lê Đăng D1 xác định: D1 đi câu cá lúc 18 giờ ngày 19/01/2025 thì nhặt được 17 viên đạn nêu trên ở bãi cỏ ven đường, D1 mang về nhà cất giấu thì ngày hôm sau bị phát hiện và thu giữ như nêu trên.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra làm việc với Lê Thành N2, sinh năm 1999, cư trú: ấp V, xã V, tỉnh Đồng Tháp, N2 xác định có cất giấu 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại; sợ bị phát hiện nên N2 gọi điện thoại nhờ Đỗ Tấn T mang súng cất giấu dưới chân cầu L thuộc xã K, tỉnh Đồng Tháp. Khoảng 14 giờ ngày 21/01/2025, Đỗ Tấn T khai nhận và chỉ dẫn lực lượng Công an đến chân cầu L thu giữ 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại dạng có trục xoay, cán bọc nhựa màu đen. Đồng thời, lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra nơi ở của Đỗ Tấn T tại ấp Đ, xã K, tỉnh Đồng Tháp, thì phát hiện và thu giữ 01 khẩu súng màu đen dài 93,5cm, loại súng nén hơi sử dụng bình khí nén (gọi là súng hơi), thân súng có dòng chữ "AIRFORCE-airguns-2305-Made in USA".

Căn cứ Kết luận giám định số 129/KL-KTHS ngày 22/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ xác định:

- Khẩu súng thu giữ của Đỗ Tấn T là súng nén khi sử dụng bình nén khí cỡ nòng 5mm; sử dụng lực đẩy của khí nén để đẩy đạn hình nấm cỡ 5,5mm ra khỏi nòng súng. Hiện tại khẩu súng có đầy đủ các bộ phận, lắp ráp đúng vị trí và hoạt động bình thường. Khẩu súng gửi giám định thuộc danh mục vũ khí quân dụng.

- Khẩu súng ngắn (thu giữ của Lê Thành N2) là súng đồ chơi nguy hiểm, súng đã được cải tạo. Tuy nhiên, khẩu súng không có bộ phận kim hỏa nên

không sử dụng để bắn được đạn nổ. Khẩu súng gửi giám định không còn tính năng, tác dụng của vũ khí và không thuộc danh mục vũ khí.

Kết quả điều tra xác định nguồn gốc khẩu súng thu giữ của Đỗ Tấn T như sau: Năm 2020 Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1995, cư trú: ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp đã truy cập mạng xã hội và mua súng này để bắn chim. S sử dụng một thời gian thì cho Lê Quốc K, sinh năm 1998, cư trú: ấp C, xã L, tỉnh Đồng Tháp mượn sử dụng, K mang súng đến nhờ Nguyễn Công T5, sinh năm 1990, cư trú: ấp Đ, xã K, tỉnh Đồng Tháp cất giữ dùm; T5 dùng súng để bắn chim một thời gian cho đến khi hết đạn và khí nén (súng không còn sử dụng được), thì đem súng cất giấu trong nhà. Đến tháng 10/2024, Đỗ Tấn T thấy T5 có súng nêu trên nên hỏi mượn thì T5 đồng ý. Khi có súng, T đặt mua trên mạng 01 ống bơm khí nén và khoảng 100 viên đạn hình nấm rồi sử dụng súng để bắn chim. Đỗ Tấn T xác định, từ ngày 01/01/2025 T sử dụng súng và đạn nêu trên để bắn chim ở khu vực xung quanh nhà cho đến khi bị phát hiện và thu giữ.

Theo Cáo trạng số 13/CT-VKĐT-P1 ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Bùi Thanh M về tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"*, quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Đỗ Tấn T về tội "*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"*, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Phạm Thành Bảo L1 và Lê Đăng D1 về tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"*, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thanh M từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Tấn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thành Bảo L1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ vũ khí quân dụng".

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đăng D1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ vũ khí quân dụng".

Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 khẩu súng bằng kim loại, màu trắng vàng dạng ổ quay dài 14cm và 02 viên đạn bằng kim loại (thu giữ của Lê Thành N2), 02 thanh kim loại sử dụng để lắp đạn quân dụng, một viên đạn bằng kim loại

(5,6x15,5mm), một vỏ đạn bằng kim loại màu vàng; một bơm hơi màu trắng, tay cầm và bệ đạp màu đen không còn giá trị sử dụng; 01 (một) vật hình súng bằng kim loại được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS3, mã số 1905750 có chữ ký ghi họ tên của Lê Thành T6 và Lê Nhựt T7.

+ Giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ xử lý theo thẩm quyền: 01 khẩu súng ngắn dạng ổ quay bằng kim loại màu trắng dài 13 cm, phần cán bộc nhựa màu đen. 17 viên đạn bằng kim loại màu vàng, kích thước (5,7 x 0,9) cm được chia làm 02 băng đạn (01 băng 10 viên, 01 băng 07 viên) cố định bằng thanh kim loại (trong đó có 01 viên không còn nguyên vẹn, chỉ có vỏ đạn và đầu đạn). Một khẩu súng màu đen dài 93,5cm, loại súng nén hơi sử dụng bình khí nén (gọi là súng hơi), thân súng có dòng chữ AIRFORCE-airguns-2305-Made in USA.

+ Trả cho Lê Đăng D1: 01 điện thoại di động có dòng chữ Samsung Galaxy A12 màu xanh; 01 điện thoại di động có dòng chữ Samsung Galaxy A11 màu đen và trả cho Phạm Thành Bảo L1 01 điện thoại di động có dòng chữ Samsung Galaxy màu hồng là tài sản cá nhân của các bị cáo không liên quan đến sự việc phạm tội.

Các bị cáo Bùi Thanh M, Đỗ Tấn T, Phạm Thành Bảo L1 tự bào chữa: Các bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện.

Luật sư L2- bào chữa cho bị cáo D1 trình bày lời bào chữa: Thống nhất với bản cáo trạng và tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, bị cáo D1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo D1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo D1 thống nhất với lời bào chữa của Luật sư L2, không bào chữa gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy mình có lỗi, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo hứa sẽ không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo D1 xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T (nay là tỉnh Đồng Tháp), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T (nay là tỉnh Đồng Tháp), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo Bùi Thanh M, Đỗ Tấn T, Phạm Thành Bảo L1, Lê Đăng D1 khai nhận và thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được, Kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Thành Bảo L1 và Bùi Thanh M có hành vi tàng trữ 01 khẩu súng ngắn dạng ổ quay bằng kim loại là vũ khí có tính năng, tác dụng, khả năng gây sát thương tương tự vũ khí quân dụng và thuộc danh mục vũ khí quân dụng, tại ấp E, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Lê Đăng D1 có hành vi tàng trữ 16 viên đạn bằng kim loại là đạn quân dụng và thuộc vũ khí quân dụng tại ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Đỗ Tấn T có hành vi tàng trữ, sử dụng 01 khẩu súng, loại súng nén hơi sử dụng bình khí nén thuộc danh mục vũ khí quân dụng tại ấp Đ, xã K, tỉnh Đồng Tháp.

Bùi Thanh M có 02 tiền án, nên phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, Bùi Thanh M đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"*, quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Đỗ Tấn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"*, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Phạm Thành Bảo L1 và Lê Đăng D1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"*, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước và hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo, đồng thời bảo đảm ngăn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Bùi Thanh M, Đỗ Tấn T, Phạm Thành Bảo L1, Lê Đăng D1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Thanh M, Đỗ Tấn T, Phạm Thành Bảo Long Lê Đăng D1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo M, bị cáo L1 gia đình các bị cáo có công với cách mạng và có xác nhận gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Bị

cáo D1 có nhiều thành tích được cấp nhiều giấy khen xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác, bị cáo D1 được Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý xác nhận tại Công văn số 738/CV-CSMT ngày 10/6/2025, bị cáo D1 tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên bị cáo D1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, ngoài ra bị cáo D1 được nhiều danh hiệu chiến sĩ tiên tiến nên bị cáo D1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo D1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử xét thấy phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ khả năng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo M, T, L1, Hội đồng xét xử có cân nhắc các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 khẩu súng ngắn dạng ổ quay bằng kim loại màu trắng dài 13cm, phần cán bộc nhựa màu đen. Căn cứ Kết luận giám định số 128/KL-KTHS ngày 22/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh Đ) xác định: Khẩu súng này là vũ khí có tính năng, tác dụng, khả năng gây sát thương tương tự vũ khí quân dụng và thuộc danh mục vũ khí quân dụng.

- 01 khẩu súng bằng kim loại màu trắng vàng, dạng ổ quay dài 14cm và 02 viên đạn bằng kim loại trong phòng ngủ. Kết quả giám định xác định: 01 khẩu súng thu giữ là súng bắn vòng đạn pháo để gây tiếng nổ và không thuộc danh mục vũ khí; 02 viên đạn thu giữ là đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,5)mm và không phải đạn quân dụng.

- 17 viên đạn bằng kim loại màu vàng, kích thước (5,7 x 0,9)cm được chia làm 02 băng đạn (01 băng 10 viên; 01 băng 07 viên) cố định bằng thanh kim loại (trong đó có 01 viên không còn nguyên vẹn, chỉ có vỏ đạn và đầu đạn). Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: 16 viên đạn thu giữ của Lê Đăng D1 là đạn quân dụng cỡ (5,56 x 45)mm và thuộc vũ khí quân dụng; 01 viên đạn không còn tính năng tác dụng của vũ khí và không phải vũ khí quân dụng.

- Khẩu súng thu giữ của Đỗ Tấn T là súng nén khi sử dụng bình nén khí cỡ nòng 5mm; sử dụng lực đẩy của khí nén để đẩy đạn hình nấm cỡ 5,5mm ra khỏi nòng súng. Hiện tại khẩu súng có đầy đủ các bộ phận, lắp ráp đúng vị trí và hoạt động bình thường. Khẩu súng gửi giám định thuộc danh mục vũ khí quân dụng.

- Khẩu súng ngắn (thu giữ của Lê Thành N2) là súng đồ chơi nguy hiểm, súng đã được cải tạo. Tuy nhiên, khẩu súng không có bộ phận kim hỏa nên không sử dụng để bắn được đạn nổ. Khẩu súng gửi giám định không còn tính năng, tác dụng của vũ khí và không thuộc danh mục vũ khí.

Các vật chứng nêu trên là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng nên cần giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ xử lý theo quy định.

[5] Đối với việc Nguyễn Hoàng S, Lê Quốc K và Nguyễn Công T5 đã có hành vi tàng trữ, sử dụng súng nêu trên trước tháng 10/2024, sau đó thì T5 cho Đỗ Tấn T mượn sử dụng. Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), thì thời điểm tháng 10/2024, khẩu súng nêu trên được xác định không phải là vũ khí quân dụng. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Hoàng S, Lê Quốc K và Nguyễn Công T5 về hành vi "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" là có căn cứ.

[6] Đối với Lê Thành N2 có hành vi tàng trữ 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại, nhưng súng không còn tính năng, tác dụng của vũ khí và không thuộc danh mục vũ khí. Nên Cơ quan An ninh điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Thành N2 là có cơ sở.

[7] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Bùi Thanh M, Phạm Thành Bảo L1, Lê Đăng D1** phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; Bị cáo **Đỗ Tấn T** phạm tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng";

1/ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304, Điều 32, Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thanh M 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Tấn T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thành Bảo L1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

4/ Áp dụng khoản 1 Điều 304, Điều 32, Điều 38, Điều 50; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP

ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đăng D1** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người phạm tội được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người phạm tội được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đã cho hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

5/ Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vật bằng kim loại hình súng, màu vàng-trắng, dạng ổ quay dài 14cm được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS3, mã số 1905749 có chữ ký ghi họ tên của Lê Thành T6 và Lê Nhựt T7, 01 (một) vật hình súng bằng kim loại được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS3, mã số 1905750 có chữ ký ghi họ tên của Lê Thành T6 và Lê Nhựt T7 và 02 viên đạn bằng kim loại (thu giữ của Lê Thành N2), 01 (một) viên đạn bằng kim loại cỡ (5,6x15,5mm), 01 (một) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng; 01 (một) bơm hơi màu trắng, tay cầm và bệ đạp màu đen.

+ Giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ xử lý theo thẩm quyền: 01 (một) khẩu súng ngắn dạng ổ quay bằng kim loại màu trắng dài 13 cm, phần cán bộc nhựa màu đen. 17 (mười bảy) viên đạn bằng kim loại màu vàng, kích thước (5,7 x 0,9) cm trong đó có 01 viên không còn nguyên vẹn, chỉ có vỏ đạn và đầu đạn). 02 (hai thanh kim loại sử dụng để lắp đạn quân dụng. 01 (một) khẩu súng màu đen dài 93,5cm, loại súng nén hơi sử dụng bình khí nén, thân súng có dòng chữ "AIRFORCE-airguns-2305-Made in USA".

+ Trả cho Lê Đăng D1: 01 (một) điện thoại di động có dòng chữ Samsung Galaxy A12 màu xanh; 01 (một) điện thoại di động có dòng chữ Samsung Galaxy A11 màu đen.

`+ Trả cho Phạm Thành Bảo L1: 01 (một) điện thoại di động có dòng chữ Samsung Galaxy màu hồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2026).

6/ Về án phí: Mỗi bị cáo Bùi Thanh M, Đỗ Tấn T, Phạm Thành Bảo L1, Lê Đăng D1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7/ Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan điều tra tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đồng Tháp;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-ĐT;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh ĐT, UBND xã (khi án có HLPL);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hồng Quyên